TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2020/DS-ST
Ngày: 25/8/2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự - hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang

Ông Trần Minh Quang

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Chúc, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự - hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phan Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Khu vực 3, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Trương Thị Phương N, sinh năm: 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực 2, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3. Người làm chứng: Vương Nhựt S, sinh năm: 1947. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực 1, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Phan Thị Ngọc Đ trình bày: Bà Trương Thị

Phương N có tham gia 01 dây hụi do bà Đ làm chủ, hụi mở ngày 09/4/2018, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, có 20 người tham gia, bà N tham gia 01 chân, đóng được 08 lần, với số tiền 10.400.000 đồng, đến lần thứ 09 bà N kêu hụi 780.000 đồng và hốt với số tiền 28.420.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà N đóng hụi chết lại được 07 lần với số tiền 14.000.000 đồng thì ngưng không đóng. Bà N còn nợ lại bà Đ 04 lần hụi, với số tiền 8.000.000 đồng.

Hiện nay dây hụi này đã mãn từ ngày 09/11/2019, nên bà Đ khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền hụi còn nợ là 8.000.000 đồng.

Bị đơn Trương Thị Phương N trình bày: Bà N thừa nhận có tham gia 01 dây hụi do bà Đ làm chủ, mở hụi vào ngày 09/4/2018, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, có 28 phần tham gia, bà N đóng được 08 lần, đến lần thứ 09 thì hốt hụi, số phần hụi tham gia là 28 nhưng bà Đ chỉ chung hụi cho bà N 20 phần với số tiền 28.420.000 đồng (đã trừ tiền đầu thảo 1.000.000 đồng). Sau khi hốt hụi bà N đóng lại được 07 lần hụi chết với số tiền 14.000.000 đồng. Còn lại 04 lần hụi chết với số tiền 8.000.000 đồng bà N không đóng với lý do khi hụi đang diễn ra thì bà Đ làm thủ tục đi nước ngoài nên bà N sợ bà Đ ngưng hụi và kêu hụi cao để hốt.

Bà N không đồng ý trả lại số tiền 8.000.000 đồng theo yêu cầu của bà Đ. Vì cho rằng đã đóng hụi 16.000.000 đồng và góp hụi 14.000.000 đồng, là vượt vốn lãi.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 198 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên toà sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 71,72,73 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Ngọc Đ, buộc bị đơn Trương Thị Phương N trả cho nguyên đơn số tiền 5.850.000 đồng vã lãi suất theo quy định pháp luật. Ngoài ra bị đơn còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đối với bị đơn Trương Thị Phương N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đối với người làm chứng: Vương Nhựt S vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án, đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt, nên việc vắng mặt người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với người làm chứng.

[1.2] Về thẩm quyền: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng dân sự - hụi" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Phan Thị Ngọc Đ và bà Trương Thị Phương N có thỏa thuận giao dịch chơi hụi. Bà Đ làm chủ hụi, bà N là hụi viên. Vào ngày 09/4/2018 bà Đ mở dây hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, trong đó bà N tham gia 1 phần hụi. Ban đầu khi giao dịch chơi hụi gồm có 28 thành viên tham gia, nhưng sau đó chỉ có 20 thành viên.

Bà N góp hụi được 08 lần (gọi là hụi sống), với số tiền 10.400.000 đồng, đến lần thứ 9 bà N kêu hụi 780.000 đồng và hốt hụi với tổng số tiền 28.420.000 đồng (đã trừ tiền đầu thảo 1.000.000 đồng), sau khi hốt hụi bà N góp lại được 7 lần (gọi là đóng hụi chết), với số tiền 14.000.000 đồng. Từ ngày 09/7/2019 cho đến ngày mãn hụi 09/11/2019 thì bà N ngưng không góp 4 lần còn lại, với số tiền 8.000.000 đồng.

Bà Đ đã trả thay cho các thành viên tham gia chơi hụi sau khi mãn hụi nên nay bà yêu cầu bà N phải trả lại cho bà số tiền 8.000.000 đồng.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn Trương Thị Phương N vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 14/5/2020; Biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ lập ngày 14/5/2010; Biên bản ghi lời khai của bị

đơn ngày 18/6/2020; Biên bản ghi lời khai người làm chứng và biên bản hòa giải của Tổ hòa giải khu vực 2, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang ngày 18/11/2018 cho thấy sự thống nhất trong giao dịch chơi hụi giữa bà Đ và bà N về thời gian mở hụi ngày 09/4/2018, số tiền lĩnh hụi của bà N là 28.420.000 đồng (đã trừ tiền đầu thảo 1.000.000 đồng), số tiền đã góp hụi là 14.000.000 đồng.

Về phía bà Trương Thị Phương N cho rằng quá trình tham gia chơi hụi ban đầu là 28 thành viên, nhưng thực tế khi hốt hụi thì chỉ có 20 thành viên, bà N cũng có thắc mắc về số hụi viên tham gia. Thực tế trong quá trình giao dịch, góp hụi và chung hụi các bên chỉ thể hiện trên số lượng 20 hụi viên tham gia và bà N cũng đồng ý nhận số tiền lĩnh hụi trên 20 hụi viên. Mặc khác, quá trình thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành ghi lời khai ông Vương Nhựt S, để làm rõ quá trình chơi hụi của các thành viên trong dây hụi ngày 09/4/2018, tại biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 18/6/2020 ông Vương Nhựt S cung cấp thông tin như sau: *ông có tham gia dây hụi ngày 09/4/2018 do bà Đ làm chủ 01 chân tên "8 S", hai đứa con của ông là "Bé 9" và "T" mỗi người tham gia 01 chân, tổng cộng là 03 chân, hụi có 20 người tham gia".*

Do vậy, về số thành viên tham gia chơi hụi thực tế là 20 hụi viên, điều này đã được chứng minh qua việc bà N đồng ý nhận số tiền khi hốt hụi do bà Đ chung là 20 hụi viên. Bị đơn Trương Thị Phương N không đồng ý tiếp tục góp hụi, với lý do đã đóng hụi 08 lần với số tiền 16.000.000 đồng cộng với số tiền góp hụi sau khi hốt được 07 lần, với số tiền 14.000.000 đồng là 30.000.000 đồng, số tiền trên đã vượt so với số tiền bà N đã hốt hụi. Nên bà N không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc bị đơn Trương Thị Phương N cho rằng đã đóng 08 lần, với số tiền 16.000.000 đồng. Song song đó, bà cũng cho rằng đã góp hụi 07 lần với số tiền 14.000.000 đồng. Điều đó, cho thấy lời trình bày của bà N là không có căn cứ, bởi lẽ trong giao dịch chơi hụi việc đóng hụi và góp lại hụi, hàng tháng đều không bằng nhau. Nên việc lời trình bày của bà Đ cho rằng bà N đã đóng được 08 lần hụi, với số tiền 10.400.000 đồng là có căn cứ.

Quá trình hòa giải tại Tòa án giữa bà Đ và bà N thống nhất thời gian sau khi hốt hụi, bà N đã góp được 07 lần, đến ngày 09/7/2019 thì ngưng đến ngày mãn hụi, là ngày 09/112019 còn nợ 04 lần không góp. Nên bà Đ yêu cầu của bà N góp 4 lần hụi là 8.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Đ chứng minh cụ thể 04 lần hụi như sau:

- Lần thứ 17 hụi mở ngày 09/8/2019, số tiền hụi viên hốt là 750.000 đồng, tức bà N phải góp vốn 1.250.000 đồng và lãi theo thỏa thuận là 750.000 đồng.

- Lần thứ 18, hụi mở ngày 09/9/2019, số tiền hụi viên hốt 700.000 đồng, bà N phải góp vốn 1.300.000 đồng và lãi theo thỏa thuận là 700.000 đồng.

- Lần thứ 19, hụi mở ngày 09/10/2019, số tiền hụi viên hốt 700.000 đồng, bà N phải góp vốn 1.300.000 đồng và lãi theo thỏa thuận là 700.000 đồng.

- Lần thứ 20, hụi mở ngày 09/11/2019 (hốt cuối cùng) bà N phải góp để chung hụi là 2.000.000 đồng. Ngày mãn hụi là ngày 09/11/2019.

Do vậy, bà Đ chỉ yêu cầu tính lãi suất của các lần bà N ngưng góp hụi đến ngày mãn hụi là ngày 09/11/2019.

Xét yêu cầu của bà Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, bêu, phường.

Về 04 lần hụi bà N chưa góp là 8.000.000 đồng. Số tiền bà Đ yêu cầu bà N trả theo thỏa thuận, trong đó có lãi suất cao hơn so với quy định luật tại Điều 468 Bộ luật dân sự, nên phải điều chỉnh lại cho phù hợp.

Thời gian tính lãi cụ thể như sau:

- Lần thứ 17, từ ngày 09/8/2019 đến ngày 09/11/2019 là 03 tháng . Số tiền 1.250.000 đồng x 1,66%/tháng x 03 tháng = 62.250 đồng tiền lãi.

- Lần thứ 18, từ ngày 09/9/2019 đến ngày 09/11/2019 là 02 tháng . Số tiền 1.300.000 đồng x 1,66%/tháng x 02 tháng = 43.160 đồng tiền lãi.

- Lần thứ 19, từ ngày 09/10/2019 đến ngày 09/11/2019 là 01 tháng . Số tiền 1.300.000 đồng x 1,66%/tháng x 01 tháng = 21.580 đồng tiền lãi.

- Lần mãn hụi thứ 20 vào ngày 09/11/2019, là 2.000.000 đồng.

Do vậy, bà N phải có trách nhiệm góp lại hụi cho bà Đ tổng số tiền là: 5.850.000 đồng và 126.990 đồng tiền lãi.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Trương Thị Phương N phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Nguyên đơn Phan Thị Ngọc Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0000714, ngày 31/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 91; Điều 93; Điểm a khoản 2 Điều 97; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, bêu, phường;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Ngọc Đ đối với bị đơn Trương Thị Phương N.

2. Buộc bị đơn Trương Thị Phương N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Phan Thị Ngọc Đ số tiền hụi còn nợ là 5.976.990 đồng (Năm triệu, chín trăm bảy mươi sáu ngàn, chín trăm chín chục đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn Phan Thị Ngọc Đ, nếu bị đơn Trương Thị Phương N chậm trả số tiền nêu trên, thì phải chịu lãi chậm trả tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không thỏa thuận được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Trương Thị Phương N phải chịu nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Nguyên đơn Phan Thị Ngọc Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0000714, phiếu lập ngày 31/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn Phan Thị Ngọc Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/8/2020). Bị đơn Trương Thị Phương N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân phường Trà Lồng nơi bị đơn cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Trần Thanh Ngân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- Lưu.